TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **258/**2024/QĐST- HNGĐ	*TP. Tuyên quang, ngày 08 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Anh T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 02 tháng 01 năm 2009 tại UBND xã An Tường, thị xã Tuyên Quang (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang.*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung thứ nhất cháu Nguyễn Thuý H, sinh ngày 03/12/2009 anh Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn; Giao con chung thứ hai cháu Nguyễn Thuỳ L, sinh ngày 24/11/2012 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn; Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Anh T xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ án lụ 150.000 đồng (Một trăm năm m- ơi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án trên hệ thống phần mềm của Hệ thống Toà án nhân dân Tối cao số 000001991024 ngày 11/10/2024, tương ứng Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24, số 0000156 ngụy 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bùi Thị H được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đồng (Một trăm năm m- ơi nghìn đồng). Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND p.An Tường,TPTuyên Quang (để biết)
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan